

Bản án số: 20/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 12 tháng 3 năm 2026

*V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Đỗ Thành Công.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Ngọc Triền, bà Vũ Thị Thanh Hương

Thư ký phiên toà: ông Lê Xuân Chín - Thư ký Toà án

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Phú Thọ tham gia phiên
toà:*** Ông Đặng Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 10 - Phú Thọ, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị H, sinh năm 1991, có mặt.

Nơi đăng ký HKTT tại: TDP N, xã V, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện tại: Đường B, xã T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Lương Thế L, sinh năm 1986, có mặt.

Nơi cư trú: TDP N, xã V, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Chi Hội phụ nữ TDP N, xã V, tỉnh Phú Thọ – Đại diện: bà Lương Thị H1 - Chi hội trưởng: Địa chỉ: TDP N, xã V, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH MTV T. Địa chỉ: Tầng K, tòa nhà V, số H, phố N Kon Tum, phường T, thành phố Hà Nội. Người đại diện: bà Nguyễn Thị L1 – phó tổng giám đốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2025, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày:

Về tình cảm vợ chồng: Chị và anh Lương Thế L kết hôn ngày 05/3/2014, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn tại UBND thị trấn V (nay là xã V, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn, chị về làm dâu và ở chung cùng gia đình anh L tại TDP N, xã V. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường. Đến năm 2022, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên chị đã thuê nhà ra ở riêng tại thị trấn T, huyện S (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ). Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm từ thời gian đó cho đến nay, không có dàn xếp gì. Nguyên

nhân mâu thuẫn, do anh L không chịu khó làm ăn, không có trách nhiệm cùng với chị trong việc nuôi dạy con cái, duy trì cuộc sống gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau. Nhiều lần anh L đã đuổi đánh chị ra khỏi nhà. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 03 con chung là cháu Lương Thế P, sinh ngày 01/02/2015, cháu Lương Thế P1, sinh ngày 01/6/2018 và cháu Lương Thế M, sinh ngày 26/9/2021. Hiện ba cháu đang ở với gia đình anh L tại xã V.

Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Thế M và đề anh L được nuôi dưỡng cháu Lương Thế P và cháu Lương Thế P1. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

+ Về điều kiện nuôi con, chị đang làm lao động tự do với mức thu nhập trung bình là 5.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Chị và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ chung: Quá trình chung sống, chị xác nhận có khoản nợ chung tại Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn V (nay là xã V) với số tiền 100.000.000đ. Quá trình sống ly thân, anh L đã trả toàn bộ khoản vay, chị đồng ý trả cho anh L một nửa là 50.000.000 đồng.

Đối với khoản vay tại Công ty TNHH MTV T. Tính đến ngày 10/9/2025 thì còn nợ 22.834.971 đồng tiền gốc, 15.142.681 đồng tiền lãi; tổng là 37.977.652 đồng. Chị đề nghị giao cho anh L trả khoản tiền này, chị thanh toán cho anh L 20.000.000 đồng.

Đối với khoản vay Chi Hội phụ nữ TDP Nhật Tân, số tiền là 17.400.000đ, đến thời điểm xét xử, chị đã tự mình trả toàn bộ, hội phụ nữ đã rút yêu cầu trả nợ. Tuy nhiên, chị xác định khoản vay này là chị sử dụng riêng, nên không yêu cầu anh L phải thanh toán, trả cho chị.

Về tài sản riêng, và công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị đề nghị giải quyết theo quy định.

Bị đơn anh Lương Thế L trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian, thủ tục kết hôn, quá trình chung sống và thời gian vợ chồng ly thân như chị H trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H không chung thủy, ngoại tình, có mối quan hệ bất chính với nhiều đàn ông khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vì con cái, anh đã khuyên nhủ, thuyết phục, tha thứ cho chị H nhiều lần để vợ chồng về chung sống với nhau nhưng chị không thay đổi. Đến tháng 8/2024, chị H đã về chung sống như vợ chồng với một người đàn ông tại xã T, tỉnh Phú Thọ. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 03 con chung như chị H trình bày là đúng. Ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cả ba cháu và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp không được nuôi cả 03 con chung, thì anh đồng ý để chị H nuôi cháu M, anh nuôi cháu P và cháu P1; anh không yêu cầu đóng góp nuôi con.

+ Về điều kiện nuôi con, anh đang làm thợ cơ khí với mức thu nhập trung bình là 18.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ chung: Quá trình chung sống, anh và chị H có khoản vay chung tại Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn V số tiền 100.000.000 đồng; khi sống ly thân, anh đã trả toàn bộ số tiền này. Anh yêu cầu chị H phải trả cho anh số tiền 50.000.000 đồng.

Đối với khoản vay tại Công ty TNHH MTV T. Tính đến ngày 10/9/2025 thì còn nợ 22.834.971 đồng tiền gốc, 15.142.681 đồng tiền lãi; tổng là 37.977.652 đồng. Anh L đồng ý trả khoản tiền này, yêu cầu chị H phải thanh toán cho anh L 20.000.000 đồng.

Đối với khoản vay tại chi hội phụ nữ TDP Nhật Tân, đây là khoản vay cá nhân của chị H, anh không biết nên không có trách nhiệm trả nợ.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Chi Hội phụ nữ TDP Nhật Tân – Đại diện là bà Lương Thị H1 trình bày:

Vào ngày 04/12/2021, Chi H2 phụ nữ tổ dân phố N đại diện có bà cùng thủ quỹ là bà Trần Thị H3 có cho vợ chồng chị Phan Thị H, anh Lương Thế L vay số tiền 17.400.000 đồng (Mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng) với lãi suất 0,8%/tháng, thời hạn vay là 48 tháng, kể từ ngày 04/12/2021 đến ngày 04/12/2025, phương thức vay bằng tiền mặt, nhận tiền ngày 04/12/2021. Việc vay mượn giữa Chi Hội phụ nữ thôn và anh L, chị H được lập thành văn bản rõ ràng tại Hợp đồng hỗ trợ vay vốn phát triển kinh tế ký cùng ngày. Tuy nhiên, do thời điểm trên, chị H trình bày do anh L đang điều trị tại Bệnh viện nên không có ký vào hợp đồng mà chỉ có chị H ký và nhận tiền. Chị H có cam kết sử dụng toàn bộ số tiền trên vào mục đích chung của gia đình.

Nay chị H đã trả toàn bộ khoản vay. Chi hội phụ nữ TPD Nhật Tân xin rút yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH MTV T: Vắng mặt tại phiên tòa và các buổi làm việc, mặc dù đã được Tòa án thông báo hợp lệ việc tham gia tố tụng. Công ty xác nhận việc vợ chồng anh chị Long Huệ nợ công ty số tiền theo giao kết tín dụng, mã khoản vay 0101.80.072055 ngày 09/5/2023. Tính đến ngày 10/9/2025 còn nợ 22.834.971 đồng tiền gốc, 15.142.681 đồng tiền lãi; tổng là 37.977.652 đồng. Công ty đề nghị giải quyết theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, HĐXX, thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 27, Điều 37 và Điều 60 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 357 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Cho chị H và anh L được ly hôn.

- Về con chung: Giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Lương Thế P, sinh ngày 01/02/2015, cháu Lương Thế P1, sinh ngày 01/6/2018. Giao cho chị H trực tiếp nuôi cháu Lương Thế M, sinh ngày 26/9/2021. Hiện ba cháu đang ở với gia đình anh L tại xã V.

Hai bên không phải đóng góp nuôi con chung cùng nhau.

- Về công nợ: Giao cho anh L thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đối khoản vay tín dụng tại Công ty TNHH MTV T theo giao kết tín dụng, mã khoản vay 0101.80.072055 ngày 09/5/2023 (bao gồm cả các khoản tiền lãi, phí phát sinh). Tính đến ngày 10/9/2025 là: 22.834.971 đồng tiền gốc, 15.142.681 đồng tiền lãi; tổng là 37.977.652 đồng.

Buộc chị H phải thanh toán chênh lệch cho anh L số tiền trả nợ là 70.000.000 đồng.

+ Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập của Chi hội phụ nữ TDP N, xã V về việc buộc vợ chồng anh L phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền 17.400.000 đồng tiền gốc và tiền lãi.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức: Không đề nghị giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phan Thị H khởi kiện anh Lương Thế L tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình. Bị đơn cư trú tại xã V, tỉnh Phú Thọ. Theo các quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Phú Thọ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đại diện Chi hội phụ nữ TDP Nhật Tân và đại diện Công ty TNHH MTV T vắng mặt tại phiên Tòa. Tuy nhiên đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, đã có ý kiến thể hiện quan điểm về giải quyết vụ án, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Phan Thị H và anh Lương Thế L là hôn nhân tiền bộ, hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn với nhau, các bên đã có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có 03 con chung cùng nhau. Tuy nhiên, trong cuộc sống đã phát sinh những bất hòa mâu thuẫn mà nguyên nhân một phần do trong cuộc sống hôn nhân, các bên không hiểu nhau, không chia sẻ với nhau những khó khăn trong cuộc sống; các bên không có sự tin tưởng, nghi ngờ nhau, không quan tâm đến nhau, không thực hiện đủ nghĩa vụ tài chính với gia đình; mâu thuẫn kéo dài và hiện đã sống ly thân.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, các bên đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng. Việc chị H xin ly hôn anh L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và anh L cũng đồng ý ly hôn nên cần được chấp nhận.

2.2 Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung, hiện đang sống cùng anh L tại xã V. Tại phiên tòa, các bên thỏa thuận: Giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Lương Thế P, sinh ngày 01/02/2015, cháu Lương Thế P1, sinh ngày 01/6/2018. Giao cho chị H trực tiếp nuôi cháu Lương Thế M, sinh ngày 26/9/2021. Các bên không phải đóng góp nuôi con chung cùng nhau.

Xét thỏa thuận là phù hợp với thực tế và nguyện vọng của các con chung, được HĐXX chấp nhận.

2.3 Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.4 Về công nợ:

2.4.1: Về khoản vay 17.400.000 đồng tại Chi hội phụ nữ TDP Nhật Tân. Do chị H đã trả toàn bộ, tự nguyện không yêu cầu anh L phải thanh toán chênh lệch, nên HĐXX không xem xét.

Hiện chị H đã trả xong khoản vay, Chi hội phụ nữ TDP Nhật Tân đã rút yêu cầu độc lập, nên HĐXX sẽ đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với nội dung này.

2.4.2. Đối với khoản vay 100.000.000 đồng tại Quỹ tín dụng nhân dân xã V. Hiện anh L đã trả toàn bộ, ly hôn các bên thỏa thuận chị H phải thanh toán, trả cho anh L 50.000.000 đồng. Việc thỏa thuận là hợp, được HĐXX chấp nhận.

2.4.3. Đối với khoản vay tín dụng tại Công ty TNHH MTV T theo giao kết tín dụng, mã khoản vay 0101.80.072055 ngày 09/5/2023 với số tiền vay là 51.940.000 đồng. Tính đến ngày 10/9/2025 còn nợ là: 22.834.971 đồng tiền gốc, 15.142.681 đồng tiền lãi; tổng là 37.977.652 đồng.

Ly hôn, vợ chồng anh L, chị H thỏa thuận: anh L sẽ thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gồm cả các khoản tiền lãi phát sinh từ 10/9/2025). Chị H phải thanh toán, trả cho anh L 20.000.000 đồng.

Xét thỏa thuận là phù hợp với pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích của các bên và Công ty T nên được HĐXX chấp nhận.

2.4.4. Sau khi đối trừ các khoản tiền mà anh L đã trả nợ và phải tiếp tục trả nợ; cần buộc chị H phải thanh toán, trả cho anh L là 70.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Chị Phan Thị H phải chịu án phí sơ thẩm; do đã thỏa thuận được việc ly hôn trước khi mở phiên tòa nên án phí phải chịu là 150.000 đồng.

Chị H phải thanh toán cho anh L 70.000.000 đồng, nên còn phải chịu 3.500.000 án phí sơ thẩm.

Chi hội phụ nữ TDP Nhật Tân rút yêu cầu độc lập, được hoàn trả khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 27, Điều 37, Điều 60 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 357 Bộ luật dân sự. Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Cho ly hôn giữa chị Phan Thị H và anh Lương Thế L.

2. Về con chung: Giao cho anh Lương Thế L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là: cháu Lương Thế P, sinh ngày 01/02/2015, cháu Lương Thế P1, sinh ngày 01/6/2018. Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lương Thế M, sinh ngày 26/9/2021 (hiện sinh sống cùng anh L tại xã V). Các bên không phải đóng góp nuôi con chung cùng nhau.

Vì quyền lợi của con chung, sau khi ly hôn, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức đóng góp nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức: Các đương sự không yêu cầu, HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về công nợ:

4.1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập của Chi hội phụ nữ TDP Nhật Tân, xã V về việc buộc vợ chồng anh chị Long H4 phải liên đới thanh toán, trả khoản tiền vay 17.400.000 đồng và tiền lãi.

4.2. Giao cho anh Lương Thế L thực hiện nghĩa vụ thanh toán, trả khoản nợ đối với Công ty TNHH MTV T, theo giao dịch tín dụng đã giao kết, mã khoản vay 0101.80.072055 ngày 09/5/2023.

Tính đến ngày 10/9/2025 là: 22.834.971 đồng tiền gốc, 15.142.681 đồng tiền lãi; tổng là 37.977.652 đồng.

Do Công ty TNHH MTV T không có yêu cầu độc lập nên không có quyền yêu cầu cưỡng chế thi hành án dân sự.

4.3. Chấp nhận sự thỏa thuận của anh L và chị H4:

Buộc chị Phan Thị H phải thanh toán, trả cho anh Lương Thế L số tiền 70.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh L có yêu cầu thi hành án, nếu chị H không thanh toán đủ số tiền 70.000.000 đồng theo quyết định nêu trên, thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về án phí: Chị Phan Thị H phải chịu 150.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0005444 ngày 06/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 – Phú Thọ). Trả lại cho chị H 150.000 đồng.

Buộc chị Phan Thị H phải tiếp tục chịu nộp 3.500.000 đồng án phí sơ thẩm (thanh toán chênh lệch công nợ).

Trả lại cho Chi hội phụ nữ TDP Nhật tân, xã V số tiền 435.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0001029 ngày 31/7/2025 của thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

7. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú của người vắng mặt theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 10 – Phú Thọ;
- Chi cục THADS Khu vực 10 – Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Tường, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thành Công